TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 18 – 3 – 2021
V/v Xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Út.

Ông Đặng Minh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hạnh Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp công nhận tài sản chung".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 69/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ánh M – sinh năm 1969 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Khóm B, Thị trấn C, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn G – sinh năm 1954 *(có mặt);*

Địa chỉ: Ấp O, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Thị Mai P – sinh năm 1961 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Ấp O, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Số 23/46, Đường T, phường T2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ban quản lý rừng phòng hộ N*(vắng mặt);*

Địa chỉ: Khóm S, Thị trấn C, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Chi cục thi hành án dân sự huyện N *(vắng mặt);*

Địa chỉ: Khóm T, Thị trấn C, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Nguyễn Tuyết Mai, sinh năm 1990 *(vắng mặt);*

4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 *(vắng mặt);*

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 *(vắng mặt);*

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 *(vắng mặt);*

7. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1980 *(vắng mặt);*

8. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 *(vắng mặt)*.

Cùng đia chỉ: Ấp O, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn G là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử, vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P chung sống với nhau từ năm 1998 không có đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn nên ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P không sống chung với nhau từ năm 2008. Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 13/2016/HNGĐ-ST ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện N xét xử không công nhận ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P là vợ chồng, về tài sản các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết. Trước thời gian ly hôn, vào ngày 01/01/2012, ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung (*lần 1)*. Trong đó thỏa thuận bà Trần Thị Mai P được nhận một miếng đất có chiều ngang 08 mét, dài 60 mét (giáp huyện đội) tọa lạc tại Khóm B, Thị trấn C, huyện N, tỉnh Cà Mau cùng với số tiền mặt là 600.000.000 đồng *(Phần đất này bà Trần Thị Mai P đã tiến hành thủ tục đăng ký xin cấp quyền sử dụng vào tháng 08/2014, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 107375 ngày 15/12/2014; bà Trần Thị Mai P chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ánh M vào ngày 09/3/2016)*, phần tài sản nhà và đất còn lại bà Trần Thị Mai P giao hết cho ông Nguyễn Văn G. Ngày 13/11/2015, ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung (*lần 2)* và theo đó bà Trần Thị Mai P được chia thêm 01 xe mô tô hiệu Future II, biển số kiểm soát 69F8-3885. Các tài sản còn lại chia cho ông Nguyễn Văn G gồm các phần đất nuôi trồng thủy sản thuộc diện giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất theo Nghị định 135/NĐ-CP, cụ thể các phần đất sau: Đất nuôi trồng thủy sản, thửa số 16 + 120, khoảnh số 63, diện tích 58.358,3 mét vuông, tọa lạc tại Ấp O, xã L, huyện N; Đất nuôi trồng thủy sản, thửa số 04 + 06, khoảnh số 63, diện tích 112.517,3 m^2, tọa lạc tại Ấp O, xã L, huyện N; Đất nuôi trồng thủy sản, thửa số 32 + 46, khoảnh số 57 diện tích 52.084,3 m^2, tọa lạc tại Ấp O, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau; Đất nuôi trồng thủy sản, thửa số 15 + 24, khoảnh số 63 diện tích 52.612,9 m^2, tọa lạc tại Ấp O, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau. Tất cả đều do ông Nguyễn Văn G đứng tên sổ giao khoán; 01 xe mô tô hiệu Aiblade, biển số kiểm soát 69N1-3556.

Trong khoảng thời gian tháng 4/2015, bà Nguyễn Ánh M và bà Trần Thị Mai P giao dịch hụi với nhau và dẫn đến tranh chấp. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N đã buộc bà Trần Thị Mai P trả cho bà Nguyễn Ánh M số tiền nợ hụi là 1.110.000.000 đồng, bản án có

hiệu lực thi hành. Bà Nguyễn Ánh M yêu cầu thi hành án. Khi Cơ quan thi hành án dân sự huyện N kiểm kê tài sản 02 phần đất ở tại Khóm B, Thị trấn C để thi hành án thì ông Nguyễn Văn G không thống nhất vì cho rằng ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P đã thỏa thuận phân chia tài sản trước đó, phần tài sản cơ quan Thi hành án kiểm kê thuộc tài sản của ông Nguyễn Văn G. Còn bà Nguyễn Ánh M thì không thống nhất việc phân chia tài sản giữa ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P vì bà cho rằng việc thoả thuận phân chia tài sản giữa ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P là để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của bà Trần Thị Mai P. Cơ quan thi hành án dân sự huyện N đã thông báo cho ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P và bà Nguyễn Ánh M thực hiện việc tự phân chia tài sản hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản để thi hành án. Ông Nguyễn Văn G khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản với bà Trần Thị Mai P theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản trước đó và bà Nguyễn Ánh M khởi kiện yêu cầu xác định phần tài sản chung của ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P để bà Trần Thị Mai P thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 77/2018/HNGĐ-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M do chưa đủ điều kiện khởi kiện và công nhận quyền sở hữu tài sản cho ông Nguyễn Văn G theo sự thỏa thuận phân chia tài sản của ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P. Bà Nguyễn Ánh M kháng cáo.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 45/2019/HNGĐ-PT ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 77/2018/HNGĐ-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N để xét xử lại vụ án.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện N thụ lý lại vụ án thì nguyên đơn ông Nguyễn Văn G rút đơn khởi kiện và bà Nguyễn Ánh M trở thành nguyên đơn trong vụ việc yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án.

Bà Nguyễn Ánh M xác định bà Trần Thị Mai P là người có nghĩa vụ thi hành án trả nợ cho bà theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N. Việc bà Trần Thị Mai P giao tài sản chung lại cho ông Nguyễn Văn G là để trốn tránh trách nhiệm thi hành án. Nay bà yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm để công nhận phần đất lâm nghiệp diện tích 52.084,30m^2 nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Ntọa lạc tại Ấp O, xã L, huyện N và 03 phần đất tọa lạc tại Khóm B, Thị trấn C, huyện N là tài sản chung của ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P, để xác định phần tài sản của bà Trần Thị Mai P thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N.

Ông Nguyễn Văn G xác định tài sản chung đã được ông và bà Trần Thị Mai P thỏa thuận phân chia, phần chia cho bà Trần Thị Mai P có giá trị cao hơn nhiều so với phần mà ông đã nhận. Phần tài sản là diện tích đất ngang 08 mét dài 60 mét chia cho bà Trần Thị Mai P đã được chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ánh M để trừ nợ. Phần tài sản còn lại là tài sản riêng của ông. Nên việc xác định tài sản chung theo Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 69/2020/HNGĐ-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện N là không hợp lý.

Bà Trần Thị Mai P xác định tài sản chung giữa bà và ông Nguyễn Văn G đã được hai người thỏa thuận phân chia. Phần tài sản chia cho bà thì bà đã bán cho bà Nguyễn Ánh M để trừ nợ, phần tài sản còn lại là của riêng ông Nguyễn Văn G.

Ban quản lý rừng phòng hộ Ncho rằng đơn vị xác lập hồ sơ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất theo Nghị định 135/NĐ-CP cho ông Nguyễn Văn G đứng tên trên cơ sở tự nguyện của ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P, thể hiện tại biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P và đã được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực. Trong thời gian củng cố hồ sơ xác lập hợp đồng cho ông Nguyễn Văn G đứng tên đơn vị không nhận được yêu cầu phát sinh trên phần đất này.

Bà Nguyễn Thị L xác định phần đất lâm nghiệp nêu trên là đất do ông Nguyễn Văn G khai phá và cho bà mượn canh tác vào năm 1997, không phải là tài sản chung của ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P.

Những người tham gia tố tụng còn lại không có ý kiến.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 69/2020/HNGĐ-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G với bà Trần Thị Mai P về chia tài sản sau khi ly hôn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M về công nhận tài sản chung của vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P.

Công nhận 03 phần đất tọa lạc tại Khóm B, Thị trấn C, huyện N, tỉnh Cà Mau gồm: Phần đất thửa số 69, tờ bản đồ số 35, diện tích 371m^2, chiều ngang 5m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp đất ông Châu Ngọc Thuận, chiều dài một cạnh phía Đông dài 58,95m giáp đất bà Phạm Thị Liên, một cạnh Tây 58,72m giáp đất ông Nguyễn Văn Hở; phần đất thửa số 7,19, tờ bản đồ số 35, diện tích 142,4m^2, chiều ngang 4,96m mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Kênh Xẻo Nạn, chiều dài một cạnh phía Đông dài 28,78m giáp đất bà Nguyễn Thị Huyền, một cạnh phía Tây giáp đất ông Cao Minh Tuyền, trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 84m^2 (ngang 9,96m, dài 16,9m); phần đất thửa số 10, 14, 15 tờ bản đồ số 35, diện tích 146,7m^2, chiều ngang 7,50m mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Kênh Xẻo Nạn, chiều dài một cạnh phía Đông dài 19,62m giáp đất ông Tô Minh Thảo, một cạnh phía Tây dài 19,62m giáp đất ông Mai Tấn Bửu và 01 phần đất lâm nghiệp đứng tên ông Gình thửa số 32+46, khoảnh 57, tiểu khu 146, diện tích 52.084,30m^2 tọa lạc tại Ấp O, xã L, huyện N là tài sản chung của ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/10/2020, ông Nguyễn Văn G kháng cáo, yêu cầu xem xét phần đất mà ông đã chia cho bà Trần Thị Mai P và bà Trần Thị Mai P đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ánh M, số tiền chuyển nhượng còn lại 415.000.000 đồng bà Nguyễn Ánh M còn giữ và số tiền 600.000.000 đồng đã chia cho bà Trần Thị Mai P. Đối với 03 phần đất tại Khóm B, Thị trấn C và phần đất lâm nghiệp

52.084,30m^2 ở Ấp O là tài sản riêng của ông, không còn là tài sản chung của ông và bà Trần Thị Mai P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, do cấp sơ thẩm chưa làm rõ các vấn đề có liên quan để xác định tài sản chung của ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P, không phân định rõ phần tài sản hoặc giá trị tài sản của từng người nên không thể đáp ứng yêu cầu thi hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn G được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn G khởi kiện bà Trần Thị Mai P để yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn theo Thông báo số: 241/TB-CCTHADS ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn G đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ việc chia tài sản sau ly hôn. Bà Nguyễn Ánh M là người khởi kiện theo Thông báo số: 262/TB-CCTHADS ngày 31/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N trở thành nguyên đơn trong việc yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của bà Trần Thị Mai P trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Văn G để bà Trần Thị Mai P thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, nên quan hệ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ việc được xác định là "*Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án"* theo khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định *"Tranh chấp công nhận tài sản chung"* theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng các Điều 33, 37, 38, 42 của Luật Hôn nhân và gia đình để *"Công nhận tài sản chung của ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P"* là chưa đúng với bản chất của vụ việc và không đáp ứng được yêu cầu trong công tác thi hành án theo Thông báo của Chi cục Thi hành án huyện N. Lẽ ra, trong vụ việc này, cấp sơ thẩm phải xác định tổng giá trị tài sản chung của ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P; xác định phần giá trị tài sản được phân chia cho bà Trần Thị Mai P kể cả việc có xem xét đối trừ phần đã được phân chia cho bà Trần Thị Mai P theo văn bản phân chia tài sản ngày 01/01/2012 và ngày 13/11/2015 hay không để từ đó xác định còn hay không còn về giá trị quyền sở hữu tài sản của bà Trần Thị Mai P trong khối tài sản chung mà ông Nguyễn Văn G đang quản lý để buộc trách nhiệm hoàn trả hay không hoàn trả… phục vụ cho việc thi hành án theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N đã được Chi cục Thi hành án huyện N đưa ra thi hành.

[3]. Xét về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc tự thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P theo hai văn bản phân chia tài sản ngày 01/01/2012 và ngày 13/11/2015, nhưng khi xem xét công nhận tài sản chung thì Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét phần tài sản đã

được ông Nguyễn Văn G chia cho bà Trần Thị Mai P đối với phần đất có chiều ngang 08 mét, dài 60 mét, tại Khóm B, Thị trấn C, huyện N vì tài sản này được phân chia cùng nhóm tài sản theo bản phân chia tài sản chung ngày 01/01/2012. Phần tài sản này cũng không được định giá để làm căn cứ xem xét giá trị tài sản đã phân chia và cũng chưa được cấp sơ thẩm xem xét, quyết định khi xét xử sơ thẩm. Phần tài sản là phần đất lâm nghiệp tại thửa 32 + 64, khoảnh 57, tiểu khu 146, diện tích 52.084,30m^2 tại Ấp O, xã L, huyện N thì phần đất này được xác định là đất do Ban quản lý rừng phòng hộ N quản lý. Ông Nguyễn Văn G chỉ là người được giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất theo Nghị định số: 135/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ. Lẽ ra phần tài sản này cấp sơ thẩm chỉ xác định thành quả lao động, giá trị đầu tư trên đất để phục vụ cho việc xác định giá trị về quyền sở hữu tài sản, nhưng cấp sơ thẩm công nhận tài sản chung cho ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P là chưa đúng quy định.

[4]. Việc không xác định được giá trị; không giám định, định giá về tài sản; thành quả lao động, giá trị đầu tư trên đất không được xem xét, quyết định tại giai đoạn xét xử sơ thẩm nên tại giai đoạn xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được, cần thiết hủy bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 69/2020/HNGĐ-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, giao toàn bộ hồ sơ vụ việc về cho Tòa án nhân dân huyện N để thụ lý, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện N để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[6]. Án phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn G không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 69/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Giao toàn bộ hồ sơ vụ việc về cho Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau để thụ lý, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn G không phải chịu. Do hủy án sơ thẩm nên các khoản tạm ứng án phí và các khoản chi phí tố tụng khác được xác định lại khi xét xử lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương